



ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN VỐN TỐI THIỂU CHO CÁC NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM

ThS. TRẦN THỊ VÂN TRÀ - Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

Hệ thống ngân hàng Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều rủi ro gây mất an toàn cho toàn hệ thống, do đó cần là tiến hành tái cấu trúc mạnh mẽ khu vực này. Vấn đề đặt ra là việc áp dụng các tiêu chuẩn về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng, mà trọng tâm là tiêu chuẩn an toàn vốn có giúp cho hệ thống ngân hàng ở Việt Nam chống lại những “cú sốc” bên ngoài và bên trong của nền kinh tế hay không? Bài viết tập trung làm rõ vấn đề này.

Từ khóa: Ngân hàng, rủi ro tín dụng, an toàn vốn

Ngày nhận bài: 19/10/2016

Ngày chuyển phản biện: 21/10/2016

Ngày nhận phản biện: 5/11/2016

Ngày chấp nhận đăng: 6/11/2016

Tác động của quy định an toàn vốn tối thiểu tới hệ thống ngân hàng

Giai đoạn trước khủng hoảng tài chính khu vực (1997)

Sự suy yếu của một số ngân hàng trong nước vào những năm 1990, báo động tình trạng rủi ro tăng cao trong hệ thống, Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh Ngân hàng năm 1990 cùng với các văn bản hướng dẫn để điều tiết hệ thống ngân hàng. Theo đó, quy định về vốn ngân hàng bắt đầu được đề cập thông qua việc giới hạn số vốn huy động so với vốn tự có của ngân hàng. Bên cạnh đó, các tổ chức tín dụng phải công bố vốn pháp định vào đầu mỗi năm tài chính. Mục tiêu là nhằm hạn chế cuộc đua lãi suất dẫn đến sụp đổ của hệ thống ngân hàng và kiểm soát cung tiền để kiềm chế lạm phát. Các quy định pháp lý này còn khá đơn giản dẫn đến một số tổ chức kinh tế sở hữu ngân hàng đã sử dụng vốn huy động của ngân hàng để đầu tư mà không qua thẩm định. Từ năm 1991 đến năm 1997, thị trường vốn Việt Nam chưa phát triển, thị trường chứng khoán chưa ra đời, thị trường tiền tệ chủ yếu là tín phiếu kho bạc và thị trường liên ngân hàng bắt đầu phát triển nhưng chịu các quy định hành chính về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Khi khủng hoảng tài chính khu vực xảy ra vào năm 1997, hệ thống ngân hàng bắt đầu bộc lộ những yếu kém, nợ xấu tăng, một số ngân hàng lâm vào khó khăn.

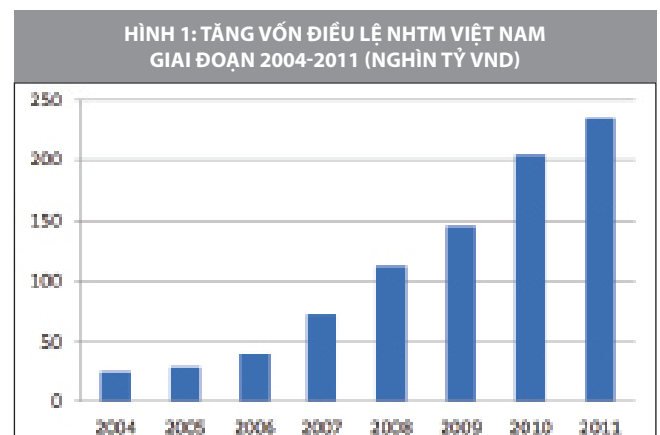
Vấn đề an toàn hệ thống ngân hàng, tuy đã được đặt ra cấp thiết nhưng lúc bấy giờ tại Việt Nam vẫn

chưa có các tiêu chuẩn về đảm bảo an toàn theo khuyến nghị của Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng vào trong hệ thống pháp lý điều tiết hoạt động ngân hàng. Hệ thống ngân hàng Việt Nam lúc đó mới bước vào quá trình tự do hóa tài chính, do vậy dễ nhạy cảm với những “cú sốc” bên trong và bên ngoài của nền kinh tế.

Giai đoạn từ sau khủng hoảng tài chính khu vực 1997 đến nay

Đây là giai đoạn các tiêu chuẩn đảm bảo an toàn trong ngân hàng theo khuyến nghị của Ủy ban Basel được áp dụng khá chi tiết vào hệ thống ngân hàng Việt Nam. Theo đó, trọng tâm là tiêu chuẩn an toàn vốn tối thiểu (hệ số CAR) được xây dựng khá gần với Hiệp ước Basel I áp dụng cho tất cả các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Từ sau năm 2000, khi hệ thống ngân hàng được tái cấu trúc, thị trường đã chứng kiến sự tăng trưởng về vốn của hệ thống ngân hàng.

Hình 1 cho thấy, tốc độ tăng vốn điều lệ của các



Nguồn: FETP, Tái cấu trúc khu vực NHTM Việt Nam, 2014



NHTM Việt Nam trung bình ở các năm đều trên 20%, trong đó từ năm 2006 trở đi, tốc độ tăng vốn điều lệ nhanh đột biến, trên 30% và đỉnh điểm là trên 80% (năm 2007). Sau năm 2011, tốc độ tăng vốn điều lệ giảm nhưng vẫn ở mức hai con số. Bên cạnh đó, hệ số vốn tối thiểu (CAR) tính bình quân cho các NHTM Việt Nam đều được duy trì trên 8% từ năm 2003 đến 2012 đúng theo quy định của Hiệp ước Basel I.

Những bất ổn gây mất an toàn trong hệ thống ngân hàng Việt Nam

Từ sau năm 2007, hệ thống ngân hàng Việt Nam đối diện với nhiều vấn đề khó khăn có thể gây mất an toàn hoạt động cho cả hệ thống và đe dọa đến sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô. Cụ thể:

Thứ nhất, cuối năm 2008, nhiều ngân hàng căng thẳng về thanh khoản, khi Chính phủ đưa ra giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tín dụng được mở rộng dẫn đến lạm phát tăng nhanh. Điều này dẫn đến sự mất cân đối trong việc huy động vốn và cho vay giữa các ngân hàng. Khi lạm phát tăng nhanh, chính sách tiền tệ thắt chặt được đưa ra quá mạnh và đột ngột đã làm tăng tình trạng căng thẳng thanh khoản ở hầu hết các NHTM Việt Nam. Cuộc đua lãi suất tái diễn, lãi suất liên ngân hàng có thời điểm tăng từ 30%-40%. Trong bối cảnh đó, NHNN ban hành Thông tư 13/2010/TT-NHNN giới hạn tín dụng trên vốn huy động từ 80% trở xuống nhằm giảm tình trạng mất thanh khoản của các ngân hàng.

Thứ hai, hệ thống ngân hàng lại đứng trước rủi ro về tín dụng, bộc lộ ở những mặt sau:

- Từ năm 2006 đến 2008, Việt Nam chứng kiến tín dụng tăng trưởng rất cao, mức tăng từ trên 20% lên đến trên 60%. Tỷ lệ dư nợ so với tổng GDP của nền kinh tế tăng đáng kể, từ 20% năm 1998 tăng liên tục lên đến gần 140% vào năm 2010. Khi quy mô tín dụng quá lớn so với GDP thì hệ thống ngân hàng dễ bị tổn thương bởi những thay đổi bất lợi của nền kinh tế.

- Các ngân hàng đẩy mạnh đầu tư và cho vay vào lĩnh vực chứng khoán, bất động sản với tỷ lệ cao. Tỷ trọng dư nợ đối với bất động sản chiếm 53,3% trong tổng dư nợ (tương đương 1.331.032 tỷ đồng) vào năm

2011. Năm 2008, khủng hoảng tài chính toàn cầu nổ ra, lạm phát trong nước tăng mạnh, thị trường chứng khoán lao dốc sau thời gian tăng trưởng nóng và thị trường bất động sản cũng bắt đầu lao dốc và đóng băng. Điều này dẫn đến nợ xấu của các ngân hàng tăng cao.

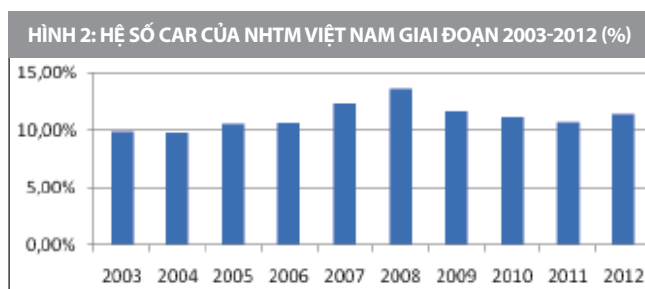
Năm 1999, NHNN đưa ra hàng loạt văn bản để điều chỉnh tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo sát chuẩn quốc tế và đưa ra lộ trình tăng vốn đối với các ngân hàng. Kết quả là tốc độ tăng vốn tự có của các ngân hàng Việt Nam khá cao, đặc biệt từ sau năm 2006. Hệ số CAR được các ngân hàng duy trì cao hơn 8% và ổn định cho đến hiện nay, thậm chí một số ngân hàng duy trì lên trên 30%. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, hệ thống ngân hàng Việt Nam lại đối mặt với rủi ro cao. Điều này cho thấy, dường như quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu không có tác dụng trong việc ngăn ngừa rủi ro.

Nguyên nhân tác động đến an toàn vốn tối thiểu

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn của Basel đầu tiên được đưa ra tại Quyết định 297/1999/QĐ-NHNN quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, định nghĩa về vốn tự có của ngân hàng có sự nhầm lẫn so với tiêu chuẩn của Hiệp ước Basel. Vấn đề này được khắc phục trong Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN và sau đó là Thông tư 13/2010/TT-NHNN về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng. Ở những văn bản thay thế sau, tỷ lệ vốn tối thiểu được thiết kế sát với Hiệp ước Basel I. Tiếp đó, Chính phủ đưa ra lộ trình tăng vốn của các ngân hàng, theo đó đến năm 2006 vốn pháp định của ngân hàng phải từ 1.000 tỷ đồng và tăng lên 3.000 tỷ đồng vào năm 2010. Đây có thể giải thích vì sao trong thời gian từ năm 2004 trở lại đây, vốn tự có của các ngân hàng tăng mạnh và hệ số CAR được duy trì. Tuy nhiên, chất lượng của việc tăng vốn tự có cũng như việc duy trì hệ số CAR của các ngân hàng lại có vấn đề.

Thứ nhất, mặc dù việc quy định vốn pháp định cao đối với các ngân hàng nhằm ngăn chặn rủi ro nhưng việc có quá nhiều ngân hàng tăng vốn trong một lộ trình ngắn đã gây ra áp lực lớn cho các ngân hàng. Trong điều kiện thị trường chứng khoán tăng trưởng nhanh vào năm 2005-2007 và việc cho phép các tập đoàn và các tổng công ty được kinh doanh đa ngành dẫn đến nhiều tập đoàn, tổng công ty sở hữu ngân hàng. Tuy nhiên, các cổ đông chiến lược này lại không có đủ các tiêu chuẩn khắt khe cần có, do đó dẫn đến những hành vi gây rủi ro nguy hiểm cho ngân hàng.

Thứ hai, khi thị trường chứng khoán suy giảm và Thông tư 13/2010/TT-NHNN yêu cầu, hệ số CAR tăng



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

